

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101809894, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó, lần thứ 13 là ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc thay đổi địa chỉ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 6265 6566
- Fax : 024 3265 6568

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2023
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2023
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng ban	Ngày 19 tháng 5 năm 2023
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Văn Thi	Thành viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Ngọc Hùng	Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2024
Ông Đinh Đức Tuấn	Phó Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2020
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng	Ngày 15 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Hùng – Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.992.848.745	228.801.939.056
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.279.018.904	3.956.588.389
1. Tiền	111		2.279.018.904	3.956.588.389
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.238.073.577	8.180.210.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.238.073.577	8.180.210.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.471.933.565	133.003.183.985
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	176.068.562.664	128.760.483.361
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.526.930.982	6.404.006.780
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.256.828.740	1.229.082.665
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.380.388.821)	(3.390.388.821)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		75.845.161.864	83.505.906.858
1. Hàng tồn kho	141	V.7	75.845.161.864	83.505.906.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		158.660.835	156.049.824
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	158.660.835	156.049.824
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.754.990.576	23.956.891.838
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.026.273.799	22.981.649.088
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.026.273.799	22.981.649.088
<i>Nguyên giá</i>	222		39.309.774.563	39.289.235.895
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17.283.500.764)	(16.307.586.807)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		159.181.000	159.181.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(159.181.000)	(159.181.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		728.716.777	975.242.750
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	728.716.777	975.242.750
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		289.747.839.321	252.758.830.894

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		134.045.840.916	102.157.940.566
I. Nợ ngắn hạn	310		130.926.135.839	98.298.235.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	48.875.999.654	27.024.753.056
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		464.004.578	896.230.954
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.416.348.913	2.560.698.091
4. Phải trả người lao động	314		1.068.612.758	1.576.600.854
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	71.804.807	68.382.911
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	376.263.607	555.380.048
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	75.806.853.335	63.780.388.994
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15a	329.908.941	329.908.941
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	1.516.339.246	1.505.891.640
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.119.705.077	3.859.705.077
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	2.205.000.000	2.945.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.15b	914.705.077	914.705.077
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.701.998.405	150.600.890.328
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	155.701.998.405	150.600.890.328
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.025.160.000	115.025.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.025.160.000	115.025.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.406.859.603	4.406.859.603
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.269.978.802	31.168.870.725
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.878.109.382	31.168.870.725
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.391.869.420	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289.747.839.321	252.758.830.894

Người lập biểu



Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Kim Anh

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	200.790.965.081	77.596.691.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.385.454.433	103.137.796
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		197.405.510.648	77.493.553.523
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	185.246.204.602	63.606.403.760
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.159.306.046	13.887.149.763
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	170.650.706	165.435.678
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.477.929.836	2.467.834.649
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.438.842.307	2.305.715.217
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	892.188.790	1.791.985.785
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	4.198.764.443	3.717.529.398
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.761.073.683	6.075.235.609
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.690.946.259	1.972.167.960
12. Chi phí khác	32	VI.9	708.337.087	988.262
13. Lợi nhuận khác	40		1.982.609.172	1.971.179.698
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.743.682.855	8.046.415.307
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	1.351.813.435	1.617.508.247
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.391.869.420	6.428.907.060
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	361	426
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	361	426

Người lập biểu

Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.743.682.855	8.046.415.307
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	1.004.399.653	1.160.705.841
- Các khoản dự phòng	03	VI.7	(10.000.000)	(121.397.909)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	2.957.246
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(162.612.866)	(155.945.572)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.438.842.307	2.305.715.217
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.014.311.949	11.238.450.130
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(45.411.456.162)	(7.976.236.701)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.660.744.994	(947.959.669)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		21.167.145.850	(5.195.054.927)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		243.914.962	450.151.398
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.435.420.411)	(2.314.533.680)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(2.099.656.515)	(4.615.193.220)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(112.050.000)	(8.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.972.465.333)	(9.368.376.669)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(50.700.000)	(148.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.057.863.577)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.394.300.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		106.995.084	463.889.985
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.991.568.493)	710.189.985

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	75.194.545.502	67.660.339.127
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(63.908.081.161)	(60.214.960.621)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.286.464.341	7.445.378.506
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.677.569.485)	(1.212.808.178)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.956.588.389	1.958.467.618
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2.279.018.904	745.659.440

Người lập biểu



Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Kim Anh

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 59 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 58 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu là dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Tăng, giảm số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	515.552.961	353.325.088
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.763.465.943	3.603.263.301
Cộng	2.279.018.904	3.956.588.389

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,2% - 4,9%/năm. Các khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	76.154.459.574	99.119.351.899
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	328.148.082	206.372.238
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	136.786.601	1.195.855.113
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	73.595.807.611	96.042.115.874
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	527.814.684	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	252.750.967	36.439.810
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	339.046.341	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	60.958.920	363.602.160
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	913.146.368	1.274.966.704
Phải thu các khách hàng khác	99.914.103.090	29.641.131.462
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	22.233.024.837	-
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	34.210.958.850	19.649.263.757
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	28.803.992.079	-
Các khách hàng khác	14.666.127.324	9.991.867.705
Cộng	176.068.562.664	128.760.483.361

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Guangxi Qinbao International trade Co.,Ltd	2.470.185.575	2.481.683.402
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	726.000.000	1.425.948.014
Wuxi Ecooter Technology Co., Ltd	13.970.964	722.258.963
Haining Fu Jiang Imp&exp Co., Ltd	272.069.741	884.875.682
Các nhà cung cấp khác	1.044.704.702	889.240.719
Cộng	4.526.930.982	6.404.006.780

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	64.472.000	-	77.019.343	-
Phải thu về mua cổ phần (*)	1.072.000.000	(1.072.000.000)	1.072.000.000	(1.072.000.000)
Các khoản ký quỹ, ký cược	23.000.000	-	23.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	78.074.240	-	30.780.822	-
Phải thu ngắn hạn khác	19.282.500	-	26.282.500	-
Cộng	1.256.828.740	(1.072.000.000)	1.229.082.665	(1.072.000.000)

- (*) Đây là khoản phải thu Ông Kiều Thanh Phong và Ông Nguyễn Văn Thảo số tiền đã chuyển cho các cá nhân này để mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tuy nhiên theo kết luận của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 16 tháng 4 năm 2013, các cá nhân đều không có căn cứ chứng minh đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ và hợp đồng chuyển nhượng không được công nhận. Công ty đã trích lập dự phòng khó đòi đối với khoản này.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thu Thảo 26	30.800.000	(30.800.000)	40.800.000	(40.800.000)
Công ty TNHH Xe máy điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	4.441.247.130	(2.277.588.821)	7.099.717.643	(2.277.588.821)
Cộng	5.544.047.130	(3.380.388.821)	8.212.517.643	(3.390.388.821)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.390.388.821	1.253.797.909
Hoàn nhập dự phòng	(10.000.000)	(34.397.909)
Sử dụng dự phòng để xóa nợ	-	(87.000.000)
Số cuối kỳ	3.380.388.821	1.132.400.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	18.424.178	-	1.208.508.573	-
Nguyên liệu, vật liệu	52.662.500.392	-	58.704.531.668	-
Công cụ, dụng cụ	692.444.398	-	571.908.548	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	307.459.652	-	562.195.836	-
Thành phẩm	14.865.319.571	-	14.495.329.444	-
Hàng hóa	7.299.013.673	-	7.963.432.789	-
Cộng	75.845.161.864	-	83.505.906.858	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	60.934.517	42.700.978
Chi phí bảo hiểm	90.073.501	80.113.921
Chi phí sửa chữa	1.362.497	-
Chi phí khác	6.290.320	33.234.925
Cộng	158.660.835	156.049.824

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	426.091.082	368.288.258
Chi phí sửa chữa	58.446.828	88.433.576
Chi phí biển quảng cáo	223.803.296	487.594.153
Chi phí khác	20.375.571	30.926.763
Cộng	728.716.777	975.242.750

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.100.281.195	36.290.064.399	1.698.620.471	200.269.830	39.289.235.895
Mua trong kỳ	-	50.700.000	-	-	50.700.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(30.161.332)	(30.161.332)
Số cuối kỳ	1.100.281.195	36.340.764.399	1.698.620.471	170.108.498	39.309.774.563
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.583.327.081	36.090.000	170.108.498	8.789.525.579
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	243.718.201	14.770.490.272	1.094.784.140	198.594.194	16.307.586.807
Khấu hao trong kỳ	55.014.060	836.706.523	112.679.070	-	1.004.399.653
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(28.485.696)	(28.485.696)
Số cuối kỳ	298.732.261	15.607.196.795	1.207.463.210	170.108.498	17.283.500.764

Giá trị còn lại

Số đầu năm	856.562.994	21.519.574.127	603.836.331	1.675.636	22.981.649.088
Số cuối kỳ	801.548.934	20.733.567.604	491.157.261	-	22.026.273.799

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 11.405.925.881 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>42.772.889.732</i>	<i>8.434.154.480</i>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	39.775.378.229	3.180.340.998
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	2.928.665.293	4.497.306.782
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	718.929.178
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	68.846.210	37.577.522
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>6.103.109.922</i>	<i>18.590.598.576</i>
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	-	3.056.580.687
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Inox Minh Phú	-	5.331.531.403
Các nhà cung cấp khác	6.103.109.922	10.202.486.486
Cộng	48.875.999.654	27.024.753.056

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	377.820.141	1.175.930.152	(568.496.332)	985.253.961
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.190.199.107	(1.190.199.107)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.864.546	(2.864.546)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.099.656.512	1.351.813.435	(2.099.656.515)	1.351.813.432
Thuế thu nhập cá nhân	83.221.438	326.174.188	(330.114.106)	79.281.520
Thuế bảo vệ môi trường	-	1.250.000	(1.250.000)	-
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	2.560.698.091	4.052.231.428	(4.196.580.606)	2.416.348.913

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8-10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.743.682.855	8.046.415.307
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	15.384.322	41.125.934
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.384.322	41.125.934
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	6.759.067.177	8.087.541.241
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.351.813.435	1.617.508.247

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>18.750.000</i>	<i>18.750.000</i>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	18.750.000	18.750.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>357.513.607</i>	<i>536.630.048</i>
Kinh phí công đoàn	266.345.090	272.111.370
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	86.168.517	259.518.678
Cộng	376.263.607	555.380.048

14. Vay

14a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng^(*)</i>	<i>74.326.853.335</i>	<i>62.300.388.994</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	15.266.805.260	22.300.388.994
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đồng Đa	59.060.048.075	40.000.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An) (xem thuyết minh V.14b)</i>	<i>1.480.000.000</i>	<i>1.480.000.000</i>
Cộng	75.806.853.335	63.780.388.994

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(*) Thông tin về các khoản vay Ngân hàng ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	50 tỷ VND	12 tháng	6,3% - 11%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Đa	85 tỷ VND	12 tháng	5,5%- 7,3%	Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc ngày 19/01/2022, ngày 20/12/2023 và các Phụ lục kèm theo (nếu có) giữa bên thế chấp và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	62.300.388.994	1.480.000.000	63.780.388.994
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	75.194.545.502	-	75.194.545.502
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	740.000.000	740.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(63.168.081.161)	(740.000.000)	(63.908.081.161)
Số cuối kỳ	74.326.853.335	1.480.000.000	75.806.853.335

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2020, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 998 kWp, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay theo từng giây nhận nợ và được điều chỉnh một tháng một lần, tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11 tháng 12 năm 2020 ký với Tổng công ty Điện lực Miền Trung và máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời Chu Lai.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.480.000.000	1.480.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.205.000.000	2.945.000.000
Cộng	3.685.000.000	4.425.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.945.000.000	4.425.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(740.000.000)	(740.000.000)
Số cuối kỳ	2.205.000.000	3.685.000.000

15. Dự phòng phải trả

15a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

15b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	867.486.577	867.486.577
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47.218.500	47.218.500
Cộng	914.705.077	914.705.077

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.505.891.640	1.334.994.945
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	122.497.606	178.896.695
Chi quỹ	(112.050.000)	(8.000.000)
Số cuối kỳ	1.516.339.246	1.505.891.640

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước				
Số dư đầu năm trước	115.025.160.000	4.049.066.214	19.611.800.230	138.686.026.444
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	6.428.907.060	6.428.907.060
Trích lập các quỹ	-	357.793.389	(536.690.084)	(178.896.695)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	115.025.160.000	4.406.859.603	25.348.017.206	144.780.036.809

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ này				
Số dư đầu năm nay	115.025.160.000	4.406.859.603	31.168.870.725	150.600.890.328
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	5.391.869.420	5.391.869.420
Trích lập các quỹ	-	-	(122.497.606)	(122.497.606)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	(168.263.737)	(168.263.737)
Số dư cuối kỳ này	115.025.160.000	4.406.859.603	36.269.978.802	155.701.998.405

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	57.945.880.000	57.945.880.000
Các cổ đông khác	57.079.280.000	57.079.280.000
Cộng	115.025.160.000	115.025.160.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.502.516	11.502.516
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	11.502.516	11.502.516
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.502.516	11.502.516
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 18 tháng 4 năm 2025 như sau:

	VND
• Thù lao HĐQT, BKS	168.263.737
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	122.497.606

Ngoài ra, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2025 đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đã hoàn thành việc phát hành vào ngày 10 tháng 7 năm 2025 (xem thuyết minh VII.3).

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

18a. Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.171.086.188	2.171.086.188
Trên 1 năm đến 5 năm	8.684.344.752	8.684.344.752
Trên 5 năm	192.985.439	1.284.559.328
Cộng	11.048.416.379	12.139.990.268

18b. Nợ đã xóa sổ

Là nợ phải thu khó đòi của ông Hoàng Trọng Thủy, số tiền 87.000.000 VND, được xóa sổ vào năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	143.108.610.821	33.302.289.513
Doanh thu bán thành phẩm	54.976.893.401	41.803.949.884
Doanh thu bán điện	2.054.969.448	2.254.872.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	650.491.411	235.579.922
Cộng	200.790.965.081	77.596.691.319

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm nay
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	60.398.056.129	44.733.021.612
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	128.613.522	109.773.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	1.245.859.300	1.434.501.709
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	109.936.400	82.688.200
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	3.992.877.842	3.459.702.028
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	196.992.625	793.071.841
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	1.395.124.209	2.030.764.178
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	1.284.187.300	996.241.800
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	854.593.020	415.262.100
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	10.031.566	-
Chiết khấu thương mại		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	947.600.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	82.047.911	58.217.406
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	38.274.070	13.503.800
Hàng bán bị trả lại		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	46.533.502	12.723.490
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	38.274.070	13.503.800
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	-	12.000.000
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	10.837.700	6.404.100

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	1.029.647.911	58.506.406
Hàng bán bị trả lại	2.355.806.522	44.631.390
Cộng	3.385.454.433	103.137.796

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	140.268.458.624	32.094.814.081
Giá vốn của thành phẩm đã bán	44.025.746.862	30.592.914.602
Giá vốn điện	860.411.489	855.350.264
Giá vốn cung cấp dịch vụ	91.587.627	63.324.813
Cộng	185.246.204.602	63.606.403.760

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.180.847	964.234
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	154.288.502	77.049.256
Lãi tiền cho vay	-	78.896.316
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.181.357	8.525.872
Cộng	170.650.706	165.435.678

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.438.842.307	2.305.715.217
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	39.087.529	159.162.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.957.246
Cộng	2.477.929.836	2.467.834.649

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	26.648.274	844.541.210
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	271.917.359	275.155.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.511.794	42.511.794
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	482.991.703	428.731.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.526.285	104.261.314
Các chi phí khác	23.593.375	96.784.385
Cộng	892.188.790	1.791.985.785

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.481.886.041	2.077.613.947
Chi phí vật liệu quản lý	4.402.734	903.182
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.190.008	54.083.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.167.276	75.194.166
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.836.769
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(10.000.000)	(34.397.909)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.401.232.622	1.143.546.333
Các chi phí khác	203.885.762	395.749.628
Cộng	4.198.764.443	3.717.529.398

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ lãi phạt chậm trả theo hợp đồng	2.652.557.836	1.969.638.982
Lãi thanh lý tài sản cố định	8.324.378	-
Lãi thanh lý công cụ dụng cụ	9.980.000	-
Các khoản khác	20.084.045	2.528.978
Cộng	2.690.946.259	1.972.167.960

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường chấm dứt hợp đồng	708.288.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	853.874
Các khoản khác	49.087	134.388
Cộng	708.337.087	988.262

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.391.869.420	6.428.907.060
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(61.248.803)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.391.869.420	6.367.658.257
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.953.156	14.953.156
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	361	426

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được lợi nhuận có thể được dùng để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có thông tin.

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước giảm từ 559 VND/CP xuống còn 426 VND/CP do giảm trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 18 tháng 4 năm 2025 và ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu từ vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.502.516	11.502.516
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ vốn chủ sở hữu ngày 10/7/2025	3.450.640	3.450.640
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.953.156	14.953.156

10b. Thông tin khác

Không có giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.480.082.427	23.136.654.948
Chi phí nhân công	6.215.086.209	5.754.082.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.004.399.653	1.160.705.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.399.155.933	2.968.399.207
Chi phí khác	1.387.966.000	1.976.544.715
Cộng	49.486.690.222	34.996.387.354

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	777.542.900	9.000.000	786.542.900
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	180.000.000	9.000.000	189.000.000
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Đinh Đức Tuấn	Phó Giám đốc	288.108.450	-	288.108.450
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng	163.193.360	-	163.193.360
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Văn Thi	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Cộng		1.408.844.710	87.000.000	1.495.844.710
Kỳ trước				
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc (đến 02/01/2024)	693.284.128	9.000.000	702.284.128
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT (từ 26/4/2024)/ Giám đốc (từ 02/01/2024)	113.491.304	3.250.000	116.741.304
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Đinh Đức Tuấn	Phó Giám đốc	266.243.532	-	266.243.532

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Nguyễn Bá Thị Hợp	Kế toán trưởng	155.151.869	-	155.151.869
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Văn Thi	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Cộng		1.228.170.833	81.250.000	1.309.420.833

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ ("Toàn Mỹ")	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	72.619.300.761	3.816.110.043
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	42.457.819.876	786.521.342
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	61.299.630	295.377.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	210.000	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	13.661.283.068	13.323.433.183
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	136.363.636	136.363.636
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	26.848.148	-
Trả lại hàng mua		
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	9.846.095	10.799.122
Lãi phạt chậm trả theo hợp đồng		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.652.557.836	1.969.638.982
Thuê nhà xưởng		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	1.383.712.088	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.10 và V.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh thiết bị năng lượng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý và không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tổng số cổ phiếu đã phát hành là 3.450.640 cổ phiếu. Ngày 05 tháng 8 năm 2025, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận niêm yết bổ sung số cổ phiếu nêu trên, quyết định có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2025.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trịnh Thị Kim Anh

Trịnh Thị Kim Anh

Trần Ngọc Hùng

